

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HS-ST
Ngày: 08 - 9 - 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ánh Linh;
2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị B2, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2020/HSST ngày 31 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/HSST-QĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn B1, sinh ngày 04/8/1999, tại: K – An Giang; quê quán: K – An Giang; nơi thường trú: tổ 6A, khóm LC1, phường H, thành phố K, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Không; con ông Phạm Văn C (chết) và bà Nguyễn Thị LN, sinh năm 1953; anh chị em ruột có 04 người, bị can là người cuối cùng.

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 15/02/2019, Ủy ban nhân dân phường H, thành phố K quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Chấp hành xong ngày 15/5/2019.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 28/5/2020 cho đến nay,

2. Nguyễn Thành B2 (Địa), sinh ngày 22/01/1988, tại: K – An Giang; quê quán: K – An Giang; nơi thường trú: tổ 6A, khóm LC1, phường H, thành phố K, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Trình độ học vấn: không biết chữ; Nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn C2 (chết) và bà Nguyễn Thị C3 (chết); vợ Nguyễn Thị Bích TN, sinh năm 1998; có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; anh chị em ruột có 04 người, bị can là người cuối cùng.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 28/5/2020 cho đến nay,

3. Nguyễn Phi B3 (um), sinh ngày 23/7/1993, tại: K – An Giang; quê quán: K – An Giang; nơi thường trú: tổ 6A, khóm LC1, phường H, thành phố K, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn DN, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị SN, sinh năm, 1966; vợ Đặng Kim HG, sinh năm 1999; có 01 con sinh năm 2015; anh chị em ruột có 04 người, bị can là người cuối cùng.

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 15/02/2019, Ủy ban nhân dân phường H, thành phố K quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Chấp hành xong ngày 15/5/2019.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 28/5/2020 cho đến nay,

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn B1, Nguyễn Thành B2 (Địa), Nguyễn Phi B3 (um): Luật sư X – Văn phòng Luật sư X, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Giang Văn TG, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 17/2 đường số 01, khóm Tây Khánh 8, phường Mỹ Hòa, thành phố XN, tỉnh An Giang.

- Ông Trần Hiếu NT, sinh năm 1987; địa chỉ: 39 NTMK, phường LG, thành phố XN, tỉnh An Giang.

- Ông Phan Văn ĐP, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 03, khóm T, thị trấn BG, huyện BN, tỉnh An Giang.

- Bà Nguyễn Thị Đài RN, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 02, khóm LC2, phường PCB, thành phố K, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn ĐN, sinh năm 1988;

- Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 2001;

- Bà Nguyễn Thị Cẩm V2, sinh năm 1964;
- Ông Trần Thanh BT, sinh năm 1981;
- Ông Lê Trần Huy PL, sinh năm 1975;
- Trần Thanh ST, sinh năm 1991;
- Ông Lê Văn HL, sinh năm 1960;
- Ông Ngô Trí HN, sinh năm 1964;
- Bùi Tường HB, sinh năm 2001;
- Lê Phạm Phước GL, sinh năm 1999;
- Bà Nguyễn Thị SN, sinh năm 1966.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện Kế hoạch số 1389/KH-CAT-PC08 ngày 08/5/2020 của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt – Công an tỉnh An Giang về tổng kiểm soát phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, thời gian từ ngày 15/5/2020 đến ngày 14/6/2020, khoảng 04 giờ ngày 20/5/2020, Tổ công tác tuần tra kiểm soát Trạm Cảnh sát giao thông PC, thuộc Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - Công an tỉnh An Giang, gồm: Trung tá Giang Văn TG (Tổ trưởng) đang điều khiển xe ô tô, Đại úy Phan Văn ĐP (Tổ viên) điều khiển xe mô tô chở Đại úy Trần Hiếu NT (Tổ viên) tuần tra đến đoạn ngã tư giao lộ các tuyến đường T, L, N và L thì phát hiện bị cáo B1 điều khiển xe mô tô biển số 67K5-5174 có lỗi vi phạm không gương chiếu hậu, bộ phận giảm thanh không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật. ĐP và NT ra hiệu lệnh cho B1 dừng xe nhưng B1 không hợp tác mà điều khiển xe bỏ chạy, đến khu vực tổ 8A, khóm LC1, phường H, thành phố K thì té ngã. ĐP, NT thông báo lỗi vi phạm và yêu cầu B1 xuất trình giấy tờ nhưng B1 không xuất trình được, có hành vi giật lấy chìa khóa xe vi phạm và kêu một cháu trai (khoảng 08 đến 10 tuổi, không xác định được nhân thân) đến tiệm bán cá X2 gọi bị cáo B3 đến để lấy giấy tờ xe.

Khi bị cáo B3 và bị cáo B2 đến, bị cáo B3 lên xe mô tô vi phạm ngồi, dùng tay giật lấy chìa khóa xe, định điều khiển xe đi nhưng bị NT ngăn lại. Đồng thời, B1 nói với B3 và B2 là B1 bị cảnh sát giao thông đập xe ngã, dùng cây ba trăm đánh B1. Nghe B1 nói, B2 và B3 cãi nhau với NT, ĐP; B2 kêu B3 “Mày lấy đồ lên cho tao”. B3 liền chạy đến sạp bán than của bà Nguyễn Thị Đài RN gần đó lấy cây dao, xông đến tấn công ĐP và NT. Thấy sự việc, Lê Trần Huy PL chạy đến ôm B3 lại để can ngăn, nhưng B3 vùng vẫy ra, ĐP và NT liền đứng nép sang một bên nên B3 lấy xe đi. Do không có chìa khóa xe nên B1 đẩy xe hỗ trợ B3 điều khiển xe đi.

Vật chứng thu giữ: 01 đĩa DVD ghi lại một đoạn video có thời gian 03 phút 17 giây, hình ảnh một nhóm ba thanh niên có hành vi chống người thi hành công vụ vào ngày 20/5/2020, tại tổ 8A, khóm LC1, phường H, thành phố K, tỉnh An Giang, do bà Nguyễn Thị Cẩm V2 quay lại; 01 dao kim loại, dài 38,5cm, do Nguyễn NT Quan giao nộp; 01 xe mô tô biển số 67K5 – 5174, cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, được xác định thuộc quyền sở hữu của Nguyễn Phi B3, đã chuyển xử phạt vi phạm hành chính và trả cho chủ sở hữu.

Ngày 22/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố K khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Phạm Văn B1, Nguyễn Phi B3, Nguyễn Thành B2.

Cáo trạng số 57/CT-VKSCĐ ngày 31/7/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố Phạm văn B1, Nguyễn Phi B3 và Nguyễn Thành B2 về tội “Chống người thi hành công vụ”. Trong đó, truy tố Phạm Văn B1 theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 330; truy tố Nguyễn Phi B3 và Nguyễn Thành B2 theo khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi chung Bộ luật Hình sự).

Trong quá trình điều tra, các bị cáo B1, B3, B2 có lời khai phù hợp với nội dung vụ án nêu trên. Ngoài ra, các bị cáo còn khai thống nhất về nội dung: Khi B3 và B2 đến, B1 đã nói với B3 và B2 là bị cảnh sát giao thông đập xe, đánh. Cảnh sát giao thông NT, ĐP giải thích cho B3 và B2 biết là không đập xe, đánh B1 thì B1 tiếp tục nói đánh bằng cây ba trắc, để trong thùng xe. Lúc này, ĐP yêu cầu B1 đến thùng xe để kiểm tra và nói “Nếu không có tao đánh mày”, nhưng B1 không đến kiểm tra.

Riêng bị cáo B3 và B2 khai: Khi B2 kêu B3 “lấy đồ lên cho tao”, cả hai đều hiểu là kêu B3 lấy hung khí đến tấn công cảnh sát giao thông”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần NT Hiếu và Phan Văn ĐP có lời khai phù hợp với nội dung vụ án. Ngoài ra, NT và ĐP còn khai: Không dùng chân đập xe, không dùng cây ba trắc đánh B1 như lời khai của B1. Khi B1 tự té ngã, NT đỡ B1 lên và thông báo lỗi vi phạm, nhiều lần yêu cầu B1 xuất trình giấy tờ xe nhưng B1 không xuất trình được. Thấy vậy, NT giữ xe, yêu cầu B1 ra đường chính, nơi TG đang đậu xe ô tô để lập biên bản vi phạm. B1 không chấp hành và giật lấy chìa khóa xe nhưng không thực hiện được. Sau đó, B1 gọi một cháu trai đến và nói “Kêu anh tao lại”. Một lúc sau, B3 và B2 đến. B3 liền lên xe vi phạm ngồi, giật lấy chìa khóa xe. Lúc này, B1 nói với B3 và B2 là B1 bị cảnh sát giao thông đập xe, dùng cây ba trắc đánh. Từ đó, B3 và B2 cãi nhau với NT và ĐP. NT giải thích, không có cây ba trắc nên không thể đánh B1 được. B1 vẫn khẳng định và cho rằng cây ba trắc trong thùng xe. Tại bút lục 188 NT khai: ĐP yêu cầu B1 đến thùng xe kiểm tra và nói “Nếu không có cây ba trắc tao đánh mày”. Nhưng tất cả lời khai sau đó, NT khai rằng, ĐP chỉ nói “Nếu không có sao tao đánh mày”. Tại bút lục 198, ĐP khai: “Do nhớ sai, thực tế ĐP không nói nếu không có tao đánh mày”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Đài RN xác định vật chứng là con dao B3 dùng để chống đối NT, ĐP là của bà; không yêu cầu nhận lại tài sản.

Những người làm chứng: Nguyễn Quang V, Trần Thị Cẩm V2, Trần Thanh BT, GL Văn ĐN, Lê Trần Huy PL đều có lời khai phù hợp với nội dung vụ án. Riêng V, V2, BT, ĐN đều xác định, có nghe thấy một cảnh sát giao thông yêu cầu B1 đến thùng xe kiểm tra có cây ba trắc không “Nếu không có tao đánh mày”. Ngoài ra, người làm chứng ĐN khai, có chứng kiến B1 điều khiển xe tự ngã, gây thương tích, không phải do cảnh sát giao thông đập, không nhìn thấy cảnh sát giao thông đánh B1.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo B1, B3, B2 thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng thể hiện, biết hành vi của mình là sai và xin lỗi TG, ĐP, NT.

Bị cáo B1 khai: Khi điều khiển xe bỏ chạy, do không làm chủ tay lái nên bị cáo tự té ngã xe. Sau khi té, tay trái của bị cáo còn cầm tay lái xe thì NT dùng vật gì đó đánh vào tay bị cáo, tuy không chảy máu nhưng có vết bầm; thương tích của bị cáo là do bị ngã xe; Khi B3 và B2 đến, bị cáo chỉ nói là mình bị cảnh sát giao thông dùng cây ba trắc đánh, không nói bị cảnh sát giao thông đập ngã xe. Mục đích nói như vậy để B3 và B2 giúp bị cáo không cho cảnh sát giao thông giữ xe và xử phạt bị cáo; xác định ĐP có yêu cầu bị cáo đến kiểm tra thùng xe xem có cây ba trắc không và nói “Nếu không có tao đánh mày”, nhưng bị cáo không đến kiểm tra; bản thân bị cáo không có giấy phép lái xe nên khi nhờ cháu trai gọi B3 đến lấy giấy tờ xe, bị cáo biết dù B3 có mang giấy tờ xe đến thì bị cáo cũng sẽ bị xử phạt vi phạm.

Bị cáo B3 khai: Khi được cháu trai báo tin B1 bị cảnh sát giao thông xử phạt thì bị cáo lập tức đến nơi mà không mang theo giấy tờ xe; bị cáo không nghe ĐP nói câu “Nếu không có tao đánh mày”; nguyên nhân dẫn đến hành vi chống đối của bị cáo là khi thấy trên người B1 có nhiều thương tích, B1 lại nói bị cảnh sát giao thông đánh và trước đó, bị cáo đã có uống bia nên không kiềm chế được bản thân mà có hành vi phạm tội.

Bị cáo B2 khai: GL nhân dẫn đến hành vi kêu B3 lấy hung khi tấn công, đe dọa NT, ĐP là do thấy trên người B1 có nhiều thương tích và được B1 cho biết là bị cảnh sát giao thông đánh, đồng thời khi nghe ĐP nói “ Nếu không có tao đánh mày” thì bị cáo đã không kiềm chế được bản thân, thiếu suy nghĩ mà có hành động chống đối cảnh sát giao thông đang làm nhiệm vụ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần NT Hiếu, Phan Văn ĐP, Giang Văn TG có lời khai như trong quá trình điều tra, yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng ĐP chỉ yêu cầu giải nhẹ hình phạt cho bị cáo B3.

Kiểm sát viên trình bày luận tội:

Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ trong vụ án gồm 01 đoạn video clip ghi lại diễn biến hành vi chống người thi hành công vụ, 01 cây dao bằng kim loại, dài 38,5cm, 01 xe mô tô biển số 67K5-5174 (đã chuyển xử lý hành chính) cùng với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong quá trình điều tra, được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Từ đó, đủ căn cứ chứng minh: Khi B1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu JUPITER, biển số 67K5 – 5174 không gương chiếu hậu, bộ phận giảm thanh không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật. Tổ công tác ra hiệu lệnh yêu cầu dừng xe, B1 không chấp hành, điều khiển xe bỏ chạy đến khu vực tổ 08A, khóm LC1, phường H, thành phố K thì tự té ngã, ĐP điều khiển xe mô tô chở NT đến yêu cầu B1 xuất trình các loại giấy tờ. B1 không chấp hành, giật chìa khóa xe và kêu B2, B3 đến cho biết bị ĐP, NT dùng chân đạp làm ngã xe và chỉ vào vết thương bị chảy máu. Sau đó, B1, B2, B3 cùng nhau dùng lời nói, dao đe dọa cản trở không cho ĐP, NT thi hành công vụ. Khẳng định cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng với hành vi các bị cáo đã thực hiện;

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Về tình tiết giảm nhẹ thuộc thành phần lao động, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn; học lực thấp; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo;

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 330; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn B1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”; áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo Nguyễn Thành B2, Nguyễn Phi B3 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 cây dao bằng kim loại, dài 38,5cm đã thu giữ trong vụ án; Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 đoạn video clip ghi lại diễn biến hành vi Chống người thi hành công vụ của các bị cáo.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa:

Thống nhất luận tội của Kiểm sát viên đối với hành vi phạm tội của bị cáo B3 và bị cáo B2.

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo B1, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự. Bởi lẽ, sau khi bị té ngã, tâm lý bị cáo B1 hoảng sợ nên có nhận định không chính xác và cho rằng mình bị cảnh sát giao thông đánh. Khi B3, B2 đến thì B1 chỉ kể lại sự việc theo nhận định của mình. Bản thân B1 với vai trò là em của B3 và B2 không có khả năng xúi giục hay kích động B3, B2 giúp mình chống người thi hành công vụ; mục đích B1 chỉ gọi B3 đến để lấy giấy tờ xe mà không gọi thêm bất kỳ ai để hỗ trợ. Mặt khác, đối

với B3 và B2, B1 với vai trò là em mình nên khi thấy B1 bị thương tích, cùng với câu nói có thể gây nghe nhầm của ĐN (ĐN nói “Nếu không có sao tao đánh mày” có thể bị nghe nhầm thành “Nếu không có tao đánh mày”) làm cho B3 và B2 tự bị kích động.

Đối với đoạn ghi hình thể hiện B1, B3, B2 có hành vi chống người thi hành công vụ nhưng không thể hiện sự việc trước đó. Trong đoạn ghi hình, bản thân B1 không có cử chỉ, hành động hung hãn. Nên có thể đánh giá được qua trạng thái tâm lý của B1 bị thắng thốt, có những nhận định không đúng chứ không có ý chí vu khống để kích động, lôi kéo B3, B2.

Các bị cáo là người lao động thấp, học vấn kém, thành khẩn khai báo, hoàn cảnh khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất khung hình phạt đối với các bị cáo theo khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự là 06 tháng tù.

Các bị cáo B1, B3, B2 thống nhất bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến khác.

Kiểm sát viên tranh luận:

Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo B1 theo điểm c khoản 2 Điều 330 Bộ luật hình sự. Bởi vì, ngoài lời khai của bị cáo B1 thì không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho thấy B1 bị cảnh sát giao thông đập xe, đánh. Nhưng, B1 đã cố tình chỉ vào thương tích của mình và nói bị cảnh sát giao thông đập xe, đánh nhằm mục đích kích động B3, B2 có hành vi dùng dao đe dọa cảnh sát giao thông. Hơn nữa, tại phiên tòa, bị cáo B3, bị cáo B2 thừa nhận do câu nói không đúng sự thật của B1 đối với lực lượng cảnh sát giao thông mà vẫn đến hành vi phạm tội. Đối với ý kiến của người bào chữa cho rằng B1 là em nên không có khả năng lôi kéo, kích động B3, B2 là không đúng, không có cơ sở, vì do B1 là em của B3 và B2 nên mới hiểu rõ mà có lời lẽ kích động như vậy.

Đối với đoạn ghi hình, dù không ghi nhận được toàn bộ sự việc nhưng căn cứ vào lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và tài liệu, chứng cứ khác cũng đủ cơ sở cấu thành tội của bị cáo B1 tại điểm c khoản 2 Điều 330 Bộ luật hình sự.

Đối với mức hình phạt 06 tháng người bào chữa đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là không đủ sức răn đe đối với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại luận tội, đã trình bày rõ những tình tiết để áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Nên giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo B1 xin giảm nhẹ hình phạt, xin được áp dụng hình phạt 02 năm tù; Bị cáo B3, B2 xin được áp dụng hình phạt 01 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà RN và những người làm chứng V, V2, BT, ĐN, PL, B3, HL, HN, HB, GL đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[3] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NT, ĐP; lời khai của những người làm chứng V, V2, BT, ĐN; đoạn ghi hình do bà Trần Thị Cẩm V2 ghi lại; biên bản xem xét dấu vết trên thân thể của bị cáo B1 nên có đủ cơ sở xác định:

Hành vi của bị cáo B1:

Bản thân B1 biết rõ mình điều khiển xe mô, biển số 67K5 – 5174 không gương chiếu hậu, bộ phận giảm thanh không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật là vi phạm pháp luật an toàn giao thông, biết được Tổ công tác gồm NT, ĐP là cảnh sát giao thông đang làm đúng nhiệm vụ của mình, đã ra hiệu lệnh dừng xe nhưng B1 không chấp hành mà điều khiển xe bỏ chạy, đến khu vực tổ 08A, khóm LC1, phường H, thành phố K thì tự té ngã. Khi được NT, ĐP yêu cầu B1 xuất trình các loại giấy tờ nhưng B1 không chấp hành, giật chìa khóa xe. Mặc dù, lời khai của B1 phù hợp với lời khai của người làm chứng là Nguyễn Văn ĐN về nội dung, B1 nhờ một cháu trai đến tiệm game bắn cá X2 gọi B3 đến đem giấy tờ xe. Tuy nhiên, tại phiên tòa, B1 xác định, B1 không có giấy phép lái xe, nên dù B3 có đến mang giấy tờ xe đến thì B1 vẫn bị xử phạt vi phạm. Vì vậy, có thể xác định, mục đích B1 gọi B3 đến không phải để B3 xuất trình giấy tờ nhằm tránh bị cảnh sát giao thông xử phạt.

Khi B3 và B2 đến, nhìn thấy thương tích trên người B1, B1 đã có hành vi vu khống NT, ĐP. B1 nói với B3 và B2 là bị cảnh sát giao thông đập xe, đánh. Dù được NT, ĐP giải thích nhưng B1 vẫn tiếp tục nói bị NT đánh bằng cây ba trắc, cây ba trắc được giấu trong thùng xe. Tuy nhiên, ngoài lời khai của bị cáo B1 bị NT, ĐP đập xe, dùng cây ba trắc đánh. Bên cạnh đó, theo lời khai của người làm chứng Nguyễn Văn ĐN xác định, B1 tự té xe gây thương tích, không nhìn thấy cảnh sát giao thông đập xe, đánh bị cáo B1. Bản thân B1 dù được ĐP yêu cầu đến thùng xe kiểm tra xem có cây ba trắc thì B1 cũng không đến kiểm tra. Khi B3 dùng dao đe dọa NT, ĐP, B1 đã dùng tay đẩy xe cho B3 điều khiển xe chạy đi.

Nên, dù có sở xác định, ngay từ đầu bị cáo B1 đã có thái độ không chấp hành hiệu lệnh của cảnh sát giao thông, có ý chí chống đối. Từ đó, có ý định lôi kéo, kích động để B3, B2 hỗ trợ B1 chống lại lực lượng làm nhiệm vụ nhằm không cho NT, ĐP giữ xe vi phạm, thể hiện qua các hành vi: Gọi B3 đến để mang giấy tờ xe dù biết B3 có đến thì bản thân B1 vẫn sẽ bị xử phạt; lợi dụng mối quan hệ anh em và thương tích trên người B1, B1 liên tục vu khống cho NT, ĐP đập xe cho B1 ngã, đánh B1 bằng cây ba trắc dù trong lời khai bị cáo xác định NT, ĐP không đập xe làm bị cáo ngã, nhằm kích động B3, B2 có hành vi chống lại NT, ĐP đang thực hiện nhiệm vụ để lấy xe vi phạm đi; dùng tay đẩy, giúp B3 điều khiển xe vi phạm đi. Đồng thời, tại phiên tòa, B1 cũng xác định, mục đích B1 vu khống cho NT, ĐP là để B3 và B2 giúp B1 chống lại cảnh sát giao thông giữ xe vi phạm, xử phạt B1.

Hành vi của bị cáo B2 và bị cáo B3: Các bị cáo biết rõ hành vi vi phạm quy định về an toàn giao thông của B1, biết rõ NT và ĐP là cảnh sát giao thông đang thực hiện đúng nhiệm vụ của mình, nhưng B3 vẫn có hành vi tự ý lên xe vi phạm, giật lấy chìa khóa xe để điều khiển xe đi nhưng bị NT ngăn cản. B2 có hành vi kêu B3 lấy hung khí đe dọa NT, ĐP. B3 thực hiện theo lời B2, đến cửa hàng của bà RN lấy một con dao bằng kim loại, dài 38,5cm tấn công NT, ĐP nhưng được PL can ngăn. B3 tiếp tục tự ý lên xe vi phạm điều khiển xe đi với sự giúp sức đẩy xe của B1.

Về lời bào chữa của người bào chữa, nhận thấy: Người bào chữa cho rằng B1 với vai trò là em nên không có khả năng kích động B3, B2 để chống người thi hành công vụ là không có căn cứ. Bởi, hành vi kích động người khác phạm tội có thể được thực hiện bằng nhiều thủ đoạn như: vu khống, lừa dối, lôi kéo, cưỡng ép... nên không thể nhận định B1 phải có vai vế lớn hơn B3, B2 thì mới kích động được B3, B2 thực hiện hành vi phạm tội. Riêng việc B3 và B2 phạm tội có phải là do bị B1 kích động hay không, không phải là hậu quả bắt buộc, mà chỉ cần có đủ căn cứ xác định B1 có ý chí và hành vi kích động B3, B2 để B3, B2 thực hiện hành vi chống người thi hành công vụ là đủ yếu tố cấu thành tội "Chống người thi hành công vụ" của B1 với tình tiết định khung "Kích động người khác phạm tội" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 330 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo B3 xác định không nghe thấy ĐP nói "Nếu không có cây ba trắc tao đánh mày" và cả B3 và B2 đều xác định nguyên nhân

B3 và B2 có hành vi chống người thi hành công vụ là do nhìn thấy B1 bị thương tích và được B1 cho biết B1 bị cảnh sát giao thông đập xe, đánh bằng cây ba trắc.

Các bị cáo B1, B3, B2 là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là xâm phạm hoạt động thực hiện nhiệm vụ đúng đắn của Tổ công tác tuần tra kiểm soát phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gồm TG, NT, ĐP theo Kế hoạch số 1389/KH-CAT-PC08 ngày 08/5/2020 của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt – Công an tỉnh An Giang, xâm phạm đến hoạt động của Nhà nước về quản lý hành chính khi thi hành nhiệm vụ công nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý.

Vì vậy, hành vi của bị cáo B1, B3, B2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chống người thi hành công vụ”. Trong đó, B1 với tình tiết định khung là “Kích động người khác phạm tội” theo điểm c khoản 2 Điều 330 Bộ luật Hình sự; bị cáo B3, bị cáo B2 theo khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng số 57/CT-VKSCĐ ngày 31/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về đồng phạm:

Các bị cáo B1, B3, B2 cùng thực hiện hành vi “Chống người thi hành công vụ”, nhưng cùng chung ý chí xuất phát nhất thời, không có sự sắp xếp, phân công vai trò từ trước nên là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo B1 là người giữ vai trò chính, vừa là người thực hành khi có hành vi không chấp hành hiệu lệnh của NT và ĐP, vu khống NT và ĐP đập xe, đánh mình, đẩy xe giúp B3 điều khiển xe vi phạm đi; vừa là người xúi giục (thông qua hành vi vu khống nhằm kích động) B3 và B2 cùng phạm tội. Các bị cáo B3, B2 cùng tham gia với vai trò là người thực hành, giúp sức rất tích cực cho B1 để chống lại, không cho lực lượng Cảnh sát giao thông tạm giữ xe và xử lý vi phạm đối với B1. Cụ thể B2 kêu B3 lấy hung khí, tấn công NT, ĐP; B3 lấy dao đe dọa làm NT, ĐP phải lùi lại nên B3 có cơ hội điều khiển xe vi phạm đi. Nên tính chất gây nguy hiểm từ hành vi của B3, B2 là như nhau.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo B1, B3, B2 đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thuộc thành phần lao động nghèo, hiểu biết pháp luật hạn chế, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan TG, NT, ĐP có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên áp dụng đối với bị cáo.

[6] Về nhân thân:

Bị cáo B1 không có tiền án; có 01 tiền sự, ngày 15/02/2019, Ủy ban nhân dân phường H, thành phố K quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Chấp hành xong ngày 15/5/2019.

Bị cáo B3 không có tiền án; có 01 tiền sự, ngày 15/02/2019, Ủy ban nhân dân phường H, thành phố K quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Chấp hành xong ngày 15/5/2019. Ngoài ra, ngày 15/6/2016, bị cáo còn bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong, đã xóa án tích.

Bị cáo B2 không có tiền án, tiền sự. Nhưng ngày 15/8/2007, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) K xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong, đã xóa án tích; ngày 24/02/2011, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) K xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đã chấp hành xong, đã xóa án tích (chưa thể hiện bị cáo đã thực hiện bồi thường cho bị hại, nhưng đã hết thời hạn yêu cầu thi hành án); ngày 23/01/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố K áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng, đã chấp hành xong, đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

[7] Về hình phạt: Hành vi của các bị cáo B1, B3, B2 là nguy hiểm cho xã hội, gây bức xúc trong nhân dân. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đều không có tiền án nhưng bị cáo B1 và B3 đều có 01 tiền sự, bị cáo B3 và bị cáo B2 đều đã từng bị kết án phạt tù. Từ đó cho thấy, các bị cáo liên tục vi phạm pháp luật, chưa thể hiện sự ăn năn, hối cải trong lần phạm tội này. Vì vậy, đối với bị cáo B3 và B2, phải có hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo B1, áp dụng hình thức xử phạt theo khung hình phạt đã quy định.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng:

01 xe mô tô, biển số 67K5 – 5174, là phương tiện vi phạm, cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67K5 – 5174 đã được xử phạt hành chính và trả lại cho chủ sở hữu Nguyễn Phi B3 là đúng quy định.

01 cây dao, dài 38,5cm, bằng kim loại, là công cụ bị cáo B3 dùng đe dọa, chống cảnh sát giao thông thi hành công vụ, là tài sản của bà V2 nhưng bà V2 không yêu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng. Xét, tịch thu, tiêu hủy.

01 đĩa DVD ghi lại một đoạn video có thời gian 03 phút 17 giây, hình ảnh một nhóm ba thanh niên có hành vi chống người thi hành công vụ vào ngày 20/5/2020, tại tổ 8A, khóm LC1, phường H, thành phố K, tỉnh An Giang, là vật chứng của vụ án. Xét, tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Vấn đề khác: Đối với hành vi của người thi hành công vụ NT và ĐP: Mặc dù, trong đoạn ghi hình không nghe thấy nội dung khi B1 vu khống cho NT dùng cây ba trắc đánh B1 và cây ba trắc được giấu trong thùng xe thì ĐP đã yêu cầu B1 đến thùng xe kiểm tra và nói “Nếu không có tao đánh mày”. Tuy nhiên, không thể xem đoạn ghi hình là chứng cứ duy nhất để xác định ĐP không nói “Nếu không có tao đánh mày”. Bởi, căn cứ vào lời khai của bị cáo B1, B2 phù hợp với lời khai của NT tại bút lục 188 và lời khai của những người làm chứng V, V2, BT, ĐN đều xác định ĐP có nói “Nếu không có tao đánh mày”. Mặt khác, trong lời khai của ĐP tại bút lục 202, khi cơ quan điều tra hỏi ĐP “vì sao trong biên bản ghi lời khai ngày 20/5/2020 anh có trình bày câu nói “nếu không có cây ba trắc tao đánh mày” nay anh trình bày khác” thì ĐP đáp: Vào thời gian trên tôi nhớ sai thực tế không nói câu này”. Nên đủ cơ sở xác định, ĐP có nói “Nếu không có tao đánh mày”.

Xét, trong tình hình sự việc xảy ra, câu nói của ĐP không mang ý chí đe dọa đánh hay sẽ đánh B1, B3 hay B2 nhưng với vai trò cảnh sát giao thông đang thực hiện nhiệm vụ, câu nói của ĐP dễ gây hiểu lầm và gây bức xúc, cũng như kích động đến các bị cáo. Vì vậy, cần nhắc nhở ĐP tại phiên tòa, phải có lời lẽ chuẩn mực, góp phần giáo dục cũng như xây dựng hình ảnh của người thi hành công vụ quản lý nhà nước trước quần chúng nhân dân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 330; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn B1 phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn B1 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo Phạm Văn B1 được tính kể từ ngày bị bắt, tam giam ngày 28/5/2020 (ngày hai mươi tám, tháng năm, năm hai nghìn không trăm hai mươi).

Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Phi B3, Nguyễn Thành B2 phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phi B3 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành B2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của các bị cáo Nguyễn Phi B3, Nguyễn Thành B2 được tính kể từ ngày bị bắt, tạm giam ngày 28/5/2020 (ngày hai mươi tám, tháng năm, năm hai nghìn không trăm hai mươi).

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây dao dài 38,5cm: phần lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 28,5cm, nơi rộng nhất 07cm, nơi hẹp nhất 03cm, sắc bén một cạnh; cán bằng kim loại màu đen dài 10cm được niêm phong có chữ ký tên của người giao nộp Nguyễn NT Quan, người chứng kiến Huỳnh Văn Tư, Điều tra viên Huỳnh Tấn Dũng cùng dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/7/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K).

Tiếp tục lưu hồ sơ 01 đĩa DVD ghi lại một đoạn video có thời gian 03 phút 17 giây, hình ảnh một nhóm ba thanh niên có hành vi chống người thi hành công vụ vào ngày 20/5/2020, tại tổ 8A, khóm LC1, phường H, thành phố K, tỉnh An Giang.

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Phạm Văn B1, Nguyễn Phi B3, Nguyễn Thành B2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt đúng quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Văn Đức